

Dương Quân Tùng (đời Đường)
Nhược Quan Đạo Nhân (đời Thanh)

BÁT TRẠCH MINH KÍNH

八宅明鏡



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

TaiLieu.vn

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung "Bát trạch minh kính"
Bản quyền tiếng Việt: NS Minh Lâm

DƯƠNG QUÂN TÙNG (đời Đường)
NHƯỢC QUAN ĐẠO NHÂN (đời Thanh)

BÁT TRẠCH MINH KÍNH

Dịch và chú giải: Gia Linh
Theo bản khắc đá đời Càn Long
Hiệu đính: Cổ Đồ Thư

Phongthuythanglong.vn

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

GIỚI THIỆU

"Bát trạch minh kinh" là một bộ sách cổ nổi tiếng chuyên bàn về phong thủy dương trạch, đồng thời cũng là tác phẩm tiêu biểu của phái phong thủy Bát Trạch. Phái Bát Trạch là một trường phái phong thủy ra đời vào thời Đường và rất thịnh hành dưới thời Tống. Sau thời Tống, trường phái này vẫn tiếp tục được truyền thừa qua nhiều thế hệ, duy trì được vị trí độc tôn trong lĩnh vực bố trí phong thủy dương trạch. Lý luận của phái Bát Trạch từ lâu đã ăn sâu vào tâm tưởng của người Trung Hoa. Đối với dân tộc Trung Hoa, dù là trong nước hay ngoài nước, đều tôn Bát Trạch là trường phái phong thủy chính tông.

Sở dĩ phái Bát Trạch chiếm được địa vị hàng đầu trong nền phong thủy học truyền thống Trung Quốc, vì trường phái này đã hệ thống hoá, giản hoá các lý luận phong thủy phức tạp để trở nên đơn giản dễ hiểu hơn, quy nạp thành những luận điểm mà mọi người đều có thể tiếp nhận được, khái quát nên những tri thức mang tính chất tổng kết, để từ đó, có thể thâm nhập vào hệ thống lý luận phong thủy. Với tinh thần đó, "Bát trạch minh kinh" đã đưa ra rất nhiều phương pháp thao tác cụ thể, trực quan, mang giá trị thực tiễn cao, rất phù hợp để ứng dụng trong đời sống thường ngày. Các lý luận của phái Bát Trạch chủ yếu xuất phát từ niên mệnh và Tam nguyên, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của hướng cửa, hướng bếp và tính chất lành dữ của các phương hướng, dung hoà các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất, tạo nên một hệ thống lý luận phong thủy dương trạch hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, do đây là một cuốn sách phong thủy được hình thành trong thời kỳ phong kiến cổ xưa, nên bên cạnh những giá trị khả thủ, tất yếu không tránh khỏi một số nội dung thiên về duy tâm. Nhưng nói một cách công bằng, đây cũng chính là đặc điểm chung của tất cả các bộ sách phong thủy cổ xưa. Bởi vậy, chúng ta cần nghiên cứu cuốn sách này với thái độ khoa học, tỉnh táo, gạt đục khơi trong, nhằm vận dụng những tinh hoa trí tuệ cổ xưa để tìm lấy sự cân bằng và hài hoà trong cuộc sống hiện đại.

LỜI NÓI ĐẦU

"*Bát trạch minh kinh*" là một bộ sách chuyên luận về địa lý phong thủy dương trạch. Địa lý phong thủy cổ đại chủ yếu tập trung vào hai lĩnh vực dương trạch và âm trạch. Âm trạch tức phần mộ của người chết, chủ yếu quyết định đến sự giàu nghèo, sang hèn của hậu duệ người đã khuất. Dương trạch tức nơi ở của người sống, như nhà ở, cửa hiệu, công xưởng..., sẽ tác động đến vận mệnh của người đang sống.

Dân tộc Trung Hoa là dân tộc bản địa của vùng đất Trung nguyên. Thuở xa xưa, khi tổ tiên viễn cổ của người Trung Hoa rời khỏi rừng rậm, từ văn hoá hang động quá độ sang nền văn hoá trung du (văn hoá bán pha - văn hoá cư trú tại vùng bán sơn địa), rồi tiến tới dựng gỗ làm nhà, bắt đầu cuộc sống định cư. Trong thời xa xưa đó, do sức sản xuất thấp, khoa học kỹ thuật lạc hậu, sức đề kháng của con người đối với thiên nhiên rất yếu ớt, thường xuyên bị đe dọa bởi thiên tai và các sức mạnh tự nhiên khác. Dưới sự thôi thúc của bản năng sinh tồn và khát vọng về một cuộc sống ấm no, con người hy vọng có thể lợi dụng kiến trúc nhà ở vào mục đích "rước lành tránh dữ", hoá giải những bất lợi do tự nhiên mang lại. Trong bối cảnh lịch sử đó, sự ra đời của thuyết địa lý phong thủy là một điều tất yếu.

Phong thủy dương trạch, âm trạch đã có lịch sử phát triển hàng ngàn năm, và cho ra đời nhiều trường phái, trong đó, phái Bát Trạch là một trường phái phong thủy dương trạch khá quyền uy. Trường phái này xuất hiện dưới thời Đường, rất thịnh hành vào thời Tống. Trong cuốn "*Tống sử*" phần "*Nghệ văn chí*" quyển thứ năm có sao chép lại một quyển "*Hoàng Đế Bát trạch kinh*", một quyển "*Hoài Nam Vương kiến cơ Bát trạch kinh*" và hai quyển "*Hoàng Thạch Công Bát trạch*", đây là ba bộ trước tác tiêu biểu của phái Bát Trạch do người đời Tống biên soạn. Ngay từ cách đặt tên cho ba tác phẩm này, cũng thấy được dụng ý của tác giả, tức đều mượn tên của các đế vương thời cổ hoặc thần tiên để củng cố địa vị cho hệ thống lý luận của mình. Phương cách này cũng góp phần mang lại hiệu quả thực tế, khiến từ đời Tống trở về sau, lý luận của trường phái Bát Trạch được nổi đời truyền tụng, chiếm được vị trí độc tôn trong lĩnh vực phong thủy dương trạch. Cho đến tận ngày nay, tại các khu vực chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa, đa số vẫn coi phái Bát Trạch là trường phái địa lý phong thủy chính tông.

"*Bát trạch minh kinh*" là tác phẩm mang tính đại diện cho trường phái Bát Trạch. Tác phẩm tương truyền là sáng tác của Đại sư phong thủy Dương Quân Tùng đời Đường, do Nhược Quan Đạo nhân đời Thanh biên soạn, chỉnh lý. Có thể nói rằng, đây là một tập đại thành của lý luận phong thủy Bát Trạch. Để độc giả

tiện theo dõi, sau đây, chúng tôi xin giới thiệu khái quát về những khái niệm, mệnh đề chủ yếu xuất hiện thường xuyên trong tác phẩm.

1. Niên mệnh và trạch mệnh

Hẳn chúng ta khá quen thuộc với khái niệm "bát tự", tức bốn cặp đôi can chi chỉ năm sinh, tháng sinh, ngày sinh, giờ sinh của mỗi người, mà các nhà mệnh tướng học còn gọi là "tứ trụ". Các phép xem bói tử vi, tướng số thường căn cứ vào quan hệ tương sinh tương khắc của "tứ trụ" để suy đoán về vận mệnh của mỗi người. Phái Bát Trạch chủ yếu chỉ coi trọng năm sinh, dùng cặp can chi của năm sinh kết hợp với Bát quái để khái quát thành tám loại niên mệnh hay mệnh quái, tức mệnh Càn, mệnh Khôn, mệnh Khảm, mệnh Tốn, mệnh Chấn, mệnh Ly, mệnh Cấn, mệnh Đoài. Tất cả mọi người, dù sinh vào năm tháng nào, là nam hay nữ, đều có thể quy nạp vào "bát mệnh" trên. Tám loại niên mệnh này còn được chia thành Đông tứ (bốn mệnh đông) và Tây tứ (bốn mệnh tây). Cách phân chia này dựa trên cơ sở nguyên lý "trung phối hợp" và "lão thiếu phối hợp" của Tiên Thiên Bát quái. Trong tám quẻ của Bát quái, Càn là lão phụ (cha), Khôn là lão mẫu (mẹ), Cấn là thiếu nam (con trai út), Đoài là thiếu nữ (con gái út); "Lão thiếu phối hợp" là Tây tứ mệnh, tức Càn, Khôn, Cấn, Đoài. Chấn là trưởng nam (con trai cả), Tốn là trưởng nữ (con gái cả), Khảm là trung nam (con trai thứ), Ly là trung nữ (con gái thứ); "Trung phối hợp" tức Chấn, Tốn, Khảm, Ly, là Đông tứ mệnh.

Chữ "Trạch" trong "Bát trạch" chỉ "mệnh trạch" (mệnh của nhà ở). Mệnh của trạch được xác định dựa vào hướng tọa của căn nhà, tức phương vị mà căn nhà dựa lưng vào. Phối hợp tám phương vị với Bát quái, có Ly chính nam, Khảm chính bắc, Đoài chính tây, Chấn chính đông, Càn tây bắc, Tốn đông nam, Khôn tây nam, Cấn đông bắc. Bởi vậy, mệnh của trạch cũng gồm "bát mệnh" Càn, Khôn, Khảm, Tốn, Chấn, Ly, Cấn, Đoài. Tương tự như niên mệnh, tám loại trạch mệnh này cũng được chia thành Tây tứ mệnh, tức trạch mệnh là Càn, Khôn, Cấn, Đoài, và Đông tứ mệnh, tức trạch mệnh là Chấn, Tốn, Khảm, Ly.

2. Tam nguyên

Tam nguyên là một phương pháp tính chu kỳ năm được sử dụng lâu đời nhất trong lịch sử Trung Quốc cổ đại, tức phương pháp tính niên đại theo vòng can chi Giáp Tý. Phương pháp này bắt nguồn từ thời Tây Hán và kéo dài cho đến khi nhà nước Trung Quốc mới ra đời. Đây cũng chính là thời kỳ phát triển, hưng thịnh và suy thoái của chế độ phong kiến. Chính bởi lịch sử phát triển lâu dài như vậy, nên đến tận nay, phương pháp tính thời gian theo vòng can chi Giáp Tý vẫn được sử dụng rộng rãi trong dân gian. Phương pháp này là sự kết hợp giữa mười thiên can với mười hai địa chi, hình thành nên sáu mươi nhóm kết hợp khác nhau, tạo

nên một chu kỳ 60 năm, được gọi là một Hoa giáp hay một vòng Giáp Tý, và chu kỳ 60 năm đó chính là một nguyên. Ba nguyên kết hợp với nhau tạo thành một chu kỳ 180 năm gọi là Tam nguyên, ba nguyên trong một chu kỳ Tam nguyên lần lượt được gọi là Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Mỗi nguyên lại bao gồm ba vận, mỗi vận kéo dài 20 năm. Khi một người được sinh vào một năm trong một nguyên nào đó, thì yếu tố không gian xung quanh người đó đã được xác định. Bởi vậy, kiến trúc nhà ở của người đó phải căn cứ vào Tam nguyên để xác định phương, hướng và suy đoán cát, hung. Khái niệm Tam nguyên được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực địa lý phong thủy, tướng mệnh tử vi, dự đoán, nhưng chỉ có phái Bát Trạch coi Tam nguyên là căn cứ lý luận quan trọng nhất cho học thuyết của mình.

3. Nhấn mạnh tầm quan trọng của cổng chính, bếp và hướng tốt hướng xấu

Theo quan niệm của phái Bát Trạch, các yếu tố long và thủy của các trường phái phong thủy truyền thống tất nhiên cũng có giá trị tham khảo nhất định, nhưng nhân tố mà phái này coi trọng nhất không phải là lai long hay thủy, mà là cổng chính và bếp của nhà ở. Phái Bát Trạch nhận định, cổng là Khí thần (thần quản khí), còn bếp là Thực thần (thần quản việc ăn uống), nên có mối quan hệ cực kỳ chặt chẽ đến nhà ở. Không đón được sinh khí vào nhà, nhà sẽ chết; Không rước được thực thần đến nhà, người sẽ chết. Dựa trên căn cứ lý luận về niên mệnh Tam nguyên, phái Bát Trạch quan niệm, hướng của cổng chính và bếp nhất định phải phù hợp với niên mệnh Đông, Tây của chủ nhà. Cùng sống trong một căn nhà với hướng cổng, hướng bếp như nhau, những người có niên mệnh khác nhau sẽ đi theo những vận mệnh hoàn toàn khác nhau. Đây là một lý luận mang tính chất đặc trưng, ít gặp ở những trường phái khác.

Sự tốt xấu của cổng hay bếp không được quyết định bởi quy mô, kiểu dáng kiến trúc, mà chủ yếu được quyết định bởi hướng, tọa của chúng. Mặt khác, lý luận Bát Trạch cũng quan niệm, căn cứ vào niên mệnh, không gian sinh tồn của mỗi người đều có bốn hướng xấu và bốn hướng tốt đặc định, cổng và cửa bếp nhất thiết phải nhìn về hướng tốt, và tại hướng xấu nên đặt các kiến trúc hoặc đồ vật mang tính trấn áp, như vậy sẽ đạt được mục đích "hướng cát trấn hung".

4. Coi trọng hôn nhân và thừa tự

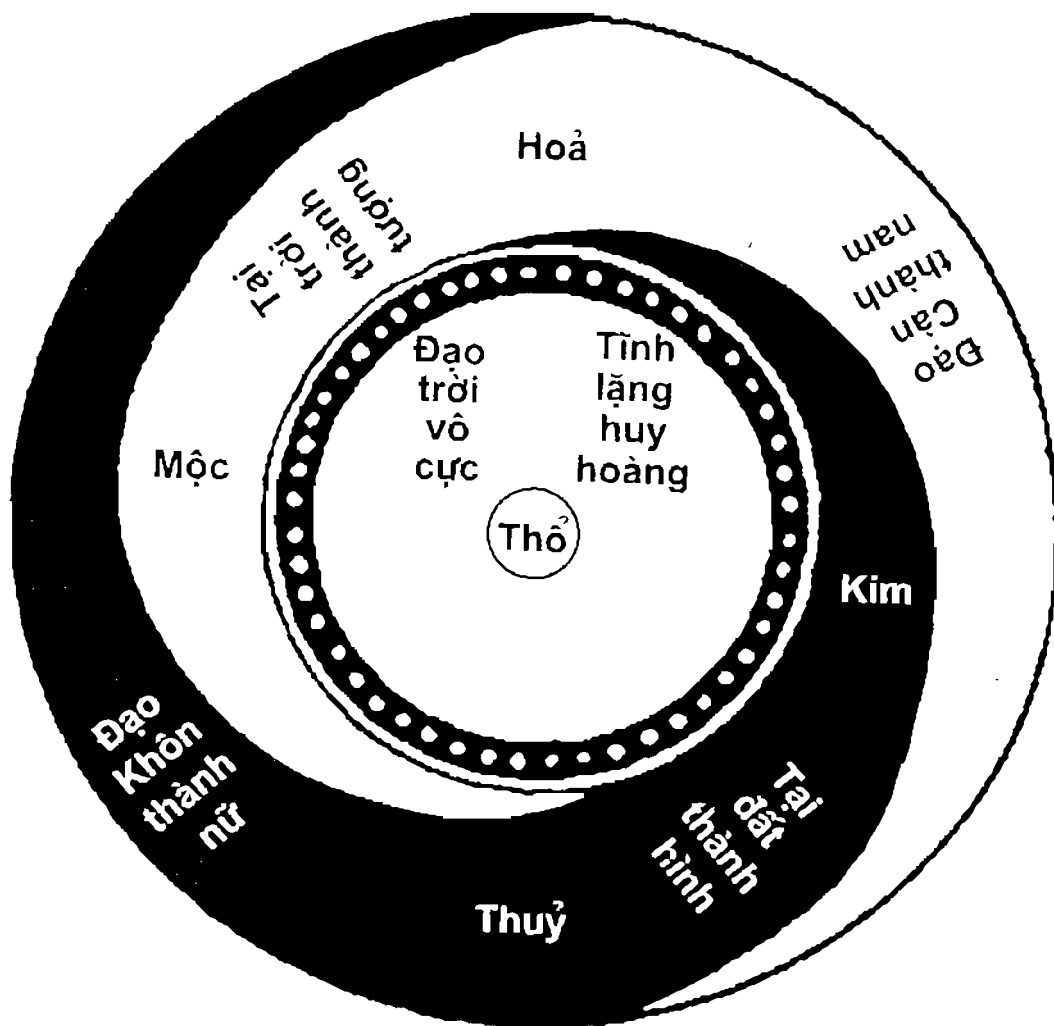
Địa lý phong thủy thường bao gồm rất nhiều nội dung, như cách thức chôn cất, cách đặt bài vị hoặc ban thờ, cách chọn ngày tháng cho việc xuất hành, kinh doanh... Phái Bát Trạch không quá sa đà vào những chi tiết thứ yếu, mà tập trung vào hai vấn đề chính là hôn nhân và thừa tự (con nối dõi). Hôn nhân và thừa tự là hai mặt của cùng một vấn đề. Theo quan niệm truyền thống của dân tộc Trung

Hoa (và của chung các nước Á Đông), tiêu chí của một cuộc hôn nhân tốt đẹp là "đông con nhiều phúc, con cháu đầy nhà". Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà phái Bát Trạch coi đây là hai vấn đề trọng tâm. Lý luận về hôn nhân của phái Bát Trạch cũng dựa trên cơ sở niên mệnh, về cơ bản, người mệnh Đông nên chọn bạn đời mệnh Đông, người mệnh Tây nên chọn bạn đời mệnh Tây, nếu kết hợp được với những phương vị tốt trong niên mệnh của đôi phương thì càng mỹ mãn. Nếu nhìn dưới lăng kính hiện đại, mức độ hạnh phúc của gia đình không thể chỉ được quyết định bởi niên mệnh của vợ hoặc chồng. Nhưng trong xã hội phong kiến, khi mà việc hôn nhân hầu hết được định đoạt bởi các bậc gia trưởng, và vấn đề "nối dõi tông đường" được đặt lên hàng đầu, thì đây chính là một căn cứ quan trọng để dựng vợ gả chồng.

Ngày nay, việc xây dựng ở các thành phố đã không còn có thể tùy thuộc vào ý muốn của mỗi cá nhân, nhà cửa ở nông thôn cũng từng bước đi vào giai đoạn quy hoạch. Vì vậy, rất nhiều nội dung trong cuốn sách này không dễ ứng dụng trong cuộc sống thực tế. Thế nhưng, đặc trưng của "*Bát trạch minh kinh*" là đã khái quát nên các lý luận và phương pháp thao tác đơn giản, trực quan, bên cạnh những nguyên lý kết hợp tiêu chuẩn, còn đưa ra rất nhiều biện pháp ứng biến tình thế trong những trường hợp phạm phải kiêng kỵ về phong thủy, nên chúng tôi nhận định rằng, có nhiều nội dung trong cuốn sách rất giàu giá trị tham khảo. Một đặc điểm nổi bật nữa trong lý luận của phái Bát Trạch là các luận điểm được trình bày một cách thẳng thắn, trực quan, ít vòng vo, ẩn dụ. Vì vậy, độc giả sẽ dễ dàng nhận ra, đâu là những nội dung có giá trị ứng dụng, đâu là những điểm không hợp lý trong lý luận của trường phái này, để tiếp thu và ứng dụng một cách có chọn lọc.

Bởi vậy, chúng tôi tiến hành phiên dịch cuốn sách này với mục đích giới thiệu cho độc giả diện mạo của một trường phái địa lý phong thủy cổ đại, bởi vì dù sao đi nữa, phong thủy đã trở thành một bộ phận cấu thành của nền văn hoá truyền thống, và vẫn tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của chúng ta hiện nay. Cho dù đã bước sang xã hội hiện đại, nhưng chúng ta không thể đoạn tuyệt những tri thức truyền thống một cách giản đơn, mà ứng dụng một cách có lựa chọn những tinh hoa cổ đại vào cuộc sống hiện đại mới chính là sự lựa chọn sáng suốt nhất của chúng ta.

Trong số các bản "*Bát trạch minh kinh*" hiện nay, bản in của Lạc Chân Đường vào năm Càn Long thứ 55 (1795) đời Thanh là hoàn chỉnh nhất, có kèm theo rất nhiều hình vẽ minh hoạ chi tiết. Đây cũng là văn bản mà chúng tôi lựa chọn để giới thiệu. Thế nhưng do bản thân văn bản gốc tồn tại khá nhiều lỗi sai về câu, chữ, hoặc thừa thiếu chữ, nên công việc phiên dịch không tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự góp ý của quý độc giả.



LỜI TỰA

Ta bản tính không tin vào phong thủy, không mê hoặc bởi địa lý, mơ mơ hồ hồ, tùy ý di chuyển. Lúc sang tây, lúc về đông, lạnh dữ đã khác; Khi xuống nam, khi lên bắc, sướng khổ đổi dời, mà không hiểu được tại sao lại như vậy.

Ngẫu nhiên vào giữa đông năm Kỷ Dậu, vừa hay có đạo nhân Nhược Quan đến thăm nhà, nói về cái hay của Bát Trạch. Ta bèn xin đạo nhân chỉ giáo cho thuật này, đạo nhân đáp: Bát trạch gồm Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, có hung có cát. Nhà phân Đông tứ trạch và Tây tứ trạch, người gồm Đông tứ mệnh và Tây tứ mệnh. Thế nào là Đông tứ trạch? Là nhà toạ ở bốn phương Khảm, Chấn, Tốn, Ly. Vậy thế nào là Tây tứ trạch? Tức nhà toạ ở bốn phương Khôn, Càn, Đoài, Cấn. Lại giảng: Người có Đông, Tây tứ mệnh, căn cứ vào vòng Giáp Tý mà chia ra ba nguyên thượng, trung, hạ; Vậy Khảm một, Chấn ba, Tốn bốn, Ly chín là Đông tứ mệnh; Khôn hai, Càn sáu, Đoài bảy, Cấn tám là Tây tứ mệnh. Đông tứ mệnh nên ở Đông tứ trạch, Tây tứ mệnh hợp cùng Tây tứ trạch. Nếu niên mệnh hợp với trạch mệnh, sẽ vượng phát cả về người và của. Nếu không thể chuyển nhà, thì một căn nhà có hai mươi tư phương hướng, có thể chuyển dịch hướng bếp, hướng giường theo đúng hướng tốt, lập tức ứng nghiệm.

Ta bèn xin đạo nhân dạy cho thuật Bát Trạch, đạo nhân Nhược Quan liền lấy trong túi ra hai cuốn sách trao cho ta, sách có tên "*Bát trạch minh kinh*", lại tặng thêm một cây "thiên xích" (thước trời). Đạo nhân nói rằng, cuốn sách này là do thầy Dương Quân Tùng^[1] soạn ra. Ví như nhà nằm hướng xấu, đổi hướng cổng chính sẽ hoá cát tường; Phòng đặt nơi bất lợi, đổi hướng cửa phòng lại ra may mắn; Mở cổng, chuyển giường đúng cách, có thể rước lành tránh dữ, ứng nghiệm vô cùng. Đây không phải loại thước chu thiên mà thợ mộc thường sử dụng. Đạo nhân dặn ta nên đọc kỹ, những ghi chép trong sách rất tường tận, rõ ràng. Nói xong đạo nhân cáo biệt ra về.

Ta từ đó ngày đêm tinh tâm nghiên ngẫm, lại thấy những bạn bè tài lộc vượng phát đều là hợp mệnh hợp trạch, những người bần hàn lụn bại, chính do mệnh trạch bất đồng. Quả thực dương trạch tốt xấu có nguồn, nhà cửa lành dữ có gốc, như trống và dùi tương ứng với nhau. Sách và thước, nguyên lý vốn là thống nhất, đi liền với nhau không sai lệch, sử dụng cùng nhau, ắt nhiều ích lợi. Tiếc thay

^[1] Dương Quân Tùng (834-906): Người Đẩu Châu, làm quan đến Kim Tử Quang Lộc Đại phu dưới triều Đường Hy Tông, chưởng quản Lĩnh đài Địa lý sự. Gặp loạn Hoàng Sào phá kinh thành, ông cắt tóc bỏ vào núi Côn Lôn nghiên cứu núi non phong thủy. Sau gặp người hại ngầm, trúng độc mà chết, thọ 72 tuổi.

người đời vụng về hối hả, chẳng may mệnh trạch trái nhau, thật không phải chuyện nhỏ; Không những một đời vất vả, mà còn tuyệt tử tuyệt tôn, tai hoạ khôn lường! Vậy nên không dám cất kỹ gói đầu, mà đem in khắc, để tiện lưu truyền trong bốn bể. Khiến cho nơi nơi hưng vượng, xứ xứ an ninh, như vậy là ta đã thoả nguyện lắm lắm.

*Tháng hai năm Canh Tuất niên hiệu Càn Long thứ 55, Tư Giang Điều Tẩu^[2]
Cố Ngô viết tựa.*

^[2] Tư Giang Điều Tẩu: Ông già câu cá tại sông Tư Giang.

PHÀM LỆ

Cuốn sách này do đạo nhân Nhược Quan truyền thụ, mà không thấy có bản khắc in lưu hành trên đời. Cho dù thi thoảng có thấy địa lý am hiểu điều vi diệu của Cửu cung Bát trạch, thì cũng coi như cửa báu, khư khư giữ kín tựa giấu thiên cơ, không dám tùy tiện tiết lộ. Mỗi khi có người đến cầu xin chỉ dẫn cách đổi hướng nhà, lại kêu kỳ phách lối, dây dầy chối từ. Bởi vậy ta không dám cất lấy làm của riêng tây, mà thận trọng khắc in, truyền bá công khai ra bốn biển.

Phàm là Đông tứ mệnh nên ở nhà Đông tứ trạch, Tây tứ mệnh nên ở tại Tây tứ trạch, đó chính là phương hướng ngàn đời nay không thay đổi, nhất định phải dùng la bàn làm chuẩn, không được làm bừa, làm sai.

Về phép tra niên mệnh Cửu cung, cần áp dụng bài ca quyết bàn tay Cửu cung (Bài sơn chương quyết), người mới học khó có thể hiểu ngay được, nên chỉ bằng lật giở trang cuối của lịch "*Thời hiến*"^[1], phía sau phần năm tháng có bảng tra chín cung mệnh của nam và nữ. Sử dụng bảng tra đó, vừa chính xác lại vừa giản tiện.

Tam nguyên là cái mốc để tra cung mệnh. Ví dụ, nam sinh năm Giáp Tý Thượng nguyên, thuộc cung Khảm một, nữ sinh năm này thuộc cung Trung năm; Nam sinh năm Giáp Tý Trung nguyên thuộc cung Tốn bốn, nữ sinh năm này thuộc cung Khôn hai; Nam sinh năm Giáp Tý Hạ nguyên thuộc cung Đoài bảy, nữ sinh năm này thuộc cung Cấn tám. Từ đó mà loại suy ra các trường hợp còn lại.

Nếu gặp trường hợp người mệnh đông ở trạch tây mà không thể chuyển nhà, thì có thể đổi hướng cổng, chuyển hướng bếp, sẽ có thể đổi hoạ thành phúc.

Cuốn sách này không chỉ phù hợp cho dương trạch, mà áp dụng cho việc hôn nhân cũng rất hữu lý. Như người Đông tứ mệnh nên lấy vợ Đông tứ mệnh; Người Tây tứ mệnh nên tìm vợ Tây tứ mệnh. Như vậy, chẳng những con cái đầy đàn, mà còn ăn ở hoà hợp.

Phàm hiềm con nối dõi, cần tra kỹ cung mệnh, dựa theo quẻ, y theo tượng mà đổi cổng chuyển bếp, sẽ lại **lông con nhiều cháu**, ứng nghiệm như thần.

Phàm muốn thoát nghèo lên giàu, cần tra rõ phương vị Sinh Khí, để đổi hướng cửa thay hướng bếp, sẽ được giàu có.

Phàm mong dứt bỏ bệnh tật, cần xoay hướng bếp hướng lò về phương vị Thiên Y trong bản mệnh, thì bệnh không cần thuốc cũng nhanh chóng thuyên giảm.

Muốn tránh tai bay vạ gió, xem kỹ trong sách này, cũng có cách rước lành tránh dữ, chuyển hoạ thành phúc.

^[1] Lịch Thời hiến: Một loại lịch chế định vào cuối thời Minh, ban hành vào niên hiệu Thuận Trị thứ 2 đời Thanh (năm 1645).

Về kích thước cổng chính, các thầy địa lý thường dùng thước môn quang^[1], thợ mộc hay dùng thước chu thiên, còn kiểu thước trong cuốn sách này thực là trần gian hiếm thấy, nên cũng vẽ luôn ra để khắc in lưu truyền ở đời.

Các hình vẽ, các bài ca quyết như "*Ngọc liên kinh*", "*Khai môn phóng thủy*" chỉ nên căn cứ vào đại ý của chúng, tốt nhất vẫn nên dùng thiên xích, sẽ hiệu quả hơn.

Trong sách có nhiều chỗ trùng lặp, vì là di bút của tiên hiền, nên không dám tự tiện cắt bỏ.

Nhà hay làm việc thiện, cho dù quay về hướng xấu, đối diện hung tinh, thì đạo trời cũng quyết không giá họa cho họ; Nhà chuyên gây điều ác, dẫu ở nơi hợp mệnh hợp hướng, châu về cát tinh, thì đạo trời chắc chắn không ban phúc lành cho họ. Bởi vậy nếu như cát hung không linh ứng, hẳn đều có nguyên nhân thiện ác.

Văn khắc cất giữ tại Lạc Chân Đường, chờ người tìm đọc, phát hành tại Học Cổ Trai của ông Đàm Văn Long, phố Học Sĩ trong cửa Tư Môn - Tô Châu.

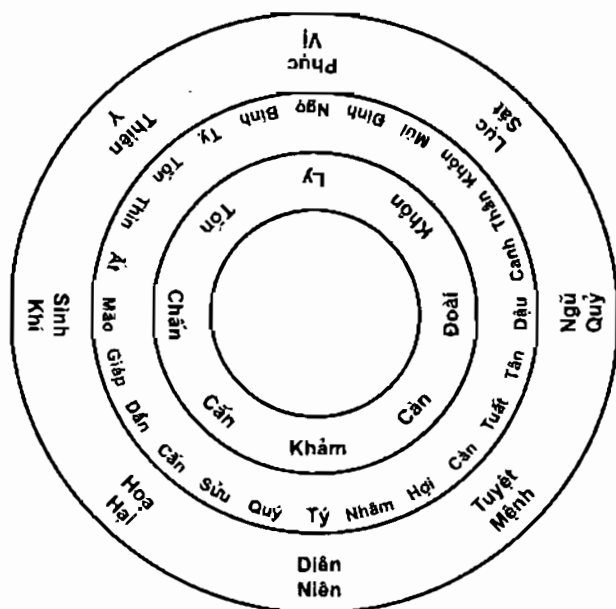
^[2] Thước môn quang: Một loại thước mà các thợ mộc xưa thường sử dụng để đo đạc, chế tác cổng chính, còn gọi là "thước đo cổng" hoặc "thước bát tự".

Đông tứ trạch - Đông tứ mệnh: Cung Ly

Đông tứ trạch

Cung Ly

Đông tứ mệnh



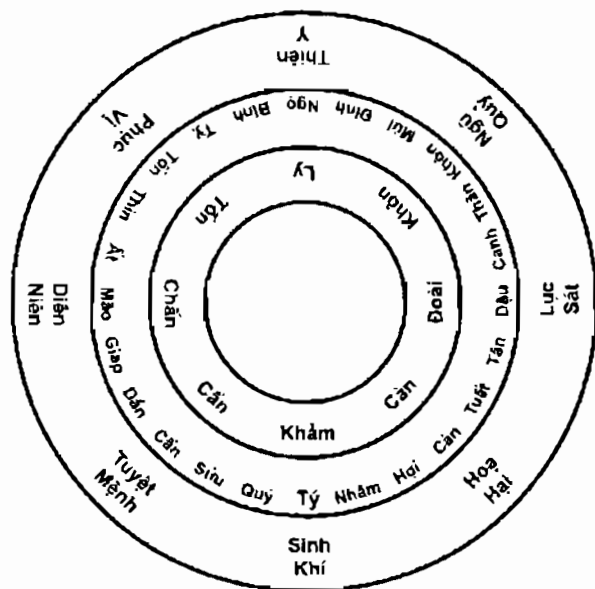
Cung

Đông tứ trạch - Đông tứ mệnh: Cung Tốn

Đông tứ trạch

Cung Tốn

Đông tứ mệnh



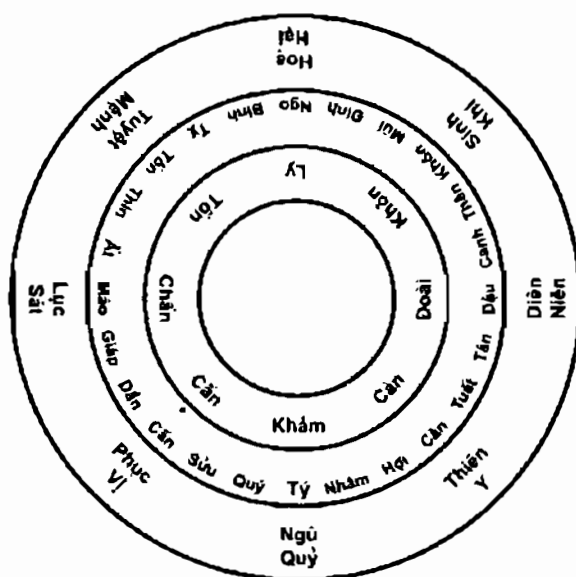
Cung

Tây tứ trạch - Tây tứ mệnh: Cung Cấn

Tây tứ trạch

Cung Cấn

Tây tứ mệnh



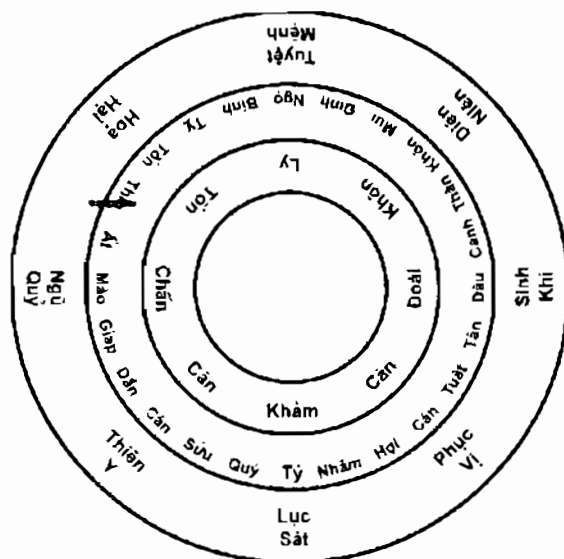
Cung

Tây tứ trạch - Tây tứ mệnh: Cung Càn

Tây tứ trạch

Cung Càn

Tây tứ mệnh



Cung

BÁT TRẠCH MINH KÍNH
QUYỀN THƯỢNG

BÀN VỀ SỐ MỆNH NAM NỮ

Nguyên văn:

Số mệnh của con người không giống nhau, nhà ở cũng có nơi xung nơi hợp, bởi vậy mà ông cháu có thịnh có suy, cha con có thành có bại, vợ chồng hoạ trước phúc sau bất nhất, anh em người may kẻ dở bất đồng. Có khi ở nơi này thì trắc trở, chuyển chốn khác lại an lành, thực chất đều là số mệnh hợp hay không hợp nên mới tạo nên những khác biệt như vậy. Người xưa có nói: "mệnh không dễ đoán". Bởi vậy, từ quẻ mà suy đoán ra cái lý của mệnh, để khiến mọi sự của nhà ở đều ổn thoả, nhằm hợp với mệnh trời, như vậy đại khái đã có thể được hài hoà, mà không đi ngược lại cái lý của trời đất, Bát quái, ngũ hành, để kéo dài được phúc lộc đến nhiều đời mà bản thân mình cũng được trọn cát. Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông tứ trạch, nam nữ căn cứ vào Tam nguyên để tính đếm, nếu rơi vào bốn cung này là Đông tứ mệnh. Càn, Khôn, Cấn, Đoài là Tây tứ trạch, nam nữ căn cứ vào Tam nguyên để tính đếm, nếu rơi vào bốn cung này là Tây tứ mệnh. Nam sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên bắt đầu đếm từ cung Khảm, sinh vào Giáp Tý Trung nguyên bắt đầu đếm từ cung Tốn, sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên bắt đầu đếm từ cung Đoài. Trình tự đếm là từ Khảm đến Ly, rồi đến Cấn, đến ~~Đoài~~, đến Càn, đến Trung, đến Tốn, đến Chấn, đến Khôn, tức đếm ngược chiều, gặp Trung cung thì gửi mệnh Khôn. Nữ sinh vào Giáp Tý Thượng nguyên bắt đầu đếm từ Trung cung, sinh vào Giáp Tý Trung nguyên bắt đầu đếm từ cung Khôn, sinh vào Giáp Tý Hạ nguyên bắt đầu đếm từ cung Cấn. Trình tự đếm là từ trung đến Càn, đến Đoài, đến Cấn, đến Ly, đến Khảm, đến Khôn, đến Chấn, đến Tốn, tức đếm xuôi chiều, gặp Trung cung thì gửi mệnh Cấn. Những cung đó đều được tính theo bài ca quyết Bàn tay Cửu cung.

Giải thích:

Đoạn văn trên nói về số mệnh của nam và nữ. Trong thế giới bao la vô cùng này, vận mệnh của mỗi người đều khác nhau, có người trước giàu có sau lụn bại, có người trước nghèo khổ sau phát đạt. Anh chị em cùng một nhà cũng mỗi người một cảnh, giàu nghèo mỗi khác. Thường người ta chỉ biết rằng số mệnh là khác nhau, nhưng lại không hiểu đâu là nguyên nhân của sự khác biệt đó. Tâm lý chung của tất cả mọi người là mong cầu hạnh phúc và tránh né tai hoạ, nên ai ai cũng muốn biết rõ được số mệnh của mình.

Dựa trên khát vọng đó, người xưa đã phát minh ra ngũ hành, Bát quái, xây dựng nên một hệ thống triết lý phong phú, nhằm mục đích làm sáng tỏ những ẩn khúc trong số mệnh của con người. Cuốn "*Bát trạch minh kinh*" cũng dựa trên nguyên lý Bát quái, để định ra *trạch mệnh* cho nhà ở cùng *niên mệnh* cho con người.

Theo nguyên lý đó, nhà ở dựa theo toạ phương được chia thành Đông tứ trạch, tức toạ tại Khảm, Ly, Chấn, Tốn, và Tây tứ trạch, tức toạ tại Càn, Khôn, Cấn, Đoài. Cung mệnh của người nam và người nữ được tính theo năm sinh căn cứ vào chu kỳ Tam nguyên, mệnh Khảm, Ly, Chấn, Tốn là Đông tứ mệnh, mệnh Càn, Khôn, Cấn, Đoài là Tây tứ mệnh.

Từ các nguyên lý cơ sở đó, đã mở ra một trường phái nghiên cứu mới mà các nhà phong thuỷ lý số gọi đó là phái Bát Trạch.

Những chương sau đây sẽ lần lượt trình bày về các tầng lý thuyết của phái Bát Trạch. "*Bát trạch minh kinh*" sẽ giúp những độc giả yêu thích tướng mệnh, thuật số tiếp cận được với vốn kiến thức toàn diện của trường phái Bát Trạch.

BẢNG NẠP ÂM SÁU MƯƠI HOA GIÁP

Năm sinh	Mệnh
Giáp Tý	Hải trung Kim (Kim đáy biển)
Ất Sửu	
Bính Dần	Lô trung Hoả (Lửa trong lò)
Đinh Mão	
Mậu Thìn	Đại lâm Mộc (Cây rừng rậm)
Kỷ Tỵ	
Canh Ngọ	Lộ bàng Thổ (Đất bên đường)
Tân Mùi	
Nhâm Thân	Kiếm phong Kim (Kim mũi kiếm)
Quý Dậu	
Giáp Tuất	Sơn đầu Hoả (Lửa đầu núi)
Ất Hợi	
Bính Tý	Giản hạ Thuỷ (Nước dưới khe)
Đinh Sửu	
Mậu Dần	Thành đầu Hoả (Lửa trên thành)
Kỷ Mão	
Canh Thìn	Bạch lập Kim (Kim bạch lập)
Tân Tỵ	
Nhâm Ngọ	Dương liễu Mộc (Cây dương liễu)
Quý Mùi	
Giáp Thân	Tuyền trung Thuỷ (Nước trong suối)
Ất Dậu	
Bính Tuất	Ốc thượng Thổ (Đất trên nhà)
Đinh Hợi	
Mậu Tý	Tích lịch Hoả (Lửa sấm sét)
Kỷ Sửu	
Canh Dần	Tùng bách Mộc (Cây tùng bách)
Tân Mão	
Nhâm Thìn	Trường lưu Thuỷ (Nước chảy dài)
Quý Tỵ	

Năm sinh	Mệnh
Giáp Ngọ	Sa trung Kim (Kim trong cát)
Ất Mùi	
Bính Thân	Sơn hạ Hoả (Lửa dưới núi)
Đinh Dậu	
Mậu Tuất	Bình địa Mộc (Cây đồng bằng)
Kỷ Hợi	
Canh Tý	Bích thượng Thổ (Đất trên vách)
Tân Sửu	
Nhâm Dần	Kim bạc Kim (Kim dát vàng)
Quý Mão	
Giáp Thìn	Phúc đăng Hoả (Lửa đèn chụp)
Ất Tỵ	
Bính Ngọ	Thiên hà Thuỷ (Nước sông Ngân)
Đinh Mùi	
Mậu Thân	Đại dịch Thổ (Đất nhà lớn)
Kỷ Dậu	
Canh Tuất	Thoa xuyên Kim (Kim trám vòng)
Tân Hợi	
Nhâm Tý	Tang giá Mộc (Cây dâu đay)
Quý Sửu	
Giáp Dần	Đại Khê Thuỷ (Thuỷ suối lớn)
Ất Mão	
Bính Thìn	Sa trung Thổ (Đất trong cát)
Đinh Tỵ	
Mậu Ngọ	Thiên thượng Hoả (Lửa trên trời)
Kỷ Mùi	
Canh Thân	Thạch lựu Mộc (Cây lựu đá)
Tân Dậu	
Nhâm Tuất	Đại hải Thuỷ (Nước biển lớn)
Quý Hợi	

Giải thích:

Bảng nạp âm sáu mươi hoa giáp là quy tắc chung mà tất cả các trường phái tướng số đoán mệnh cùng sử dụng, đồng thời cũng là một trong những cơ sở của tướng mệnh học.

Sáu mươi hoa giáp: Lục thập hoa giáp, còn được gọi là lục thập Giáp Tý, tức sáu mươi tổ hợp khác nhau do 10 thiên can và 12 địa chi kết hợp mà thành. Do số lượng các tổ hợp nhiều, lại không giống nhau, nên được gọi là "hoa". Mặt khác, tổ hợp Giáp Tý đứng ở vị trí đầu tiên, nên thường gọi Giáp Tý để đại diện cho 60 tổ hợp, nên lục thập hoa giáp còn được gọi là lục thập Giáp Tý. Trình tự sắp xếp của sáu mươi hoa giáp là cố định, tuyệt đối không được phép thay đổi, đảo lộn.

Nạp âm: Nạp âm vốn là thuật ngữ thuộc phạm trù nhạc lý của Trung Quốc cổ đại, về sau được các nhà tướng mệnh học vay mượn. Sau này, nạp âm đã trở thành một thuật ngữ của tướng mệnh học, và biến mất khỏi nhạc lý. Nhạc lý cổ Trung Quốc gồm 12 luật gồm: hoàng chung, thái thiếu, cô tảo, nhụy tân, di tảo, vô dịch, đại lữ, giáp chung, trọng lữ, lâm chung, nam lữ, ứng chung, phân làm sáu âm sáu dương. Mỗi luật đều có năm điệu: cung, thương, giốc, chuyển, vũ, kết hợp với nhau tạo thành 60 âm. Sau đó lại tiếp tục kết hợp với sáu mươi hoa giáp, mỗi cặp can chi lại lần lượt phối hợp với ngũ hành theo trình tự Kim, Hoả, Mộc, Thủy, Thổ để tạo nên các cung, đó chính là nguyên lý nạp âm. Ngũ hành nạp âm khác với ngũ hành của can và chi. Ví dụ sinh năm Canh Tý, Canh thuộc Kim, Tý thuộc Thủy, nhưng nạp âm lại là Thổ, mệnh Bích thượng Thổ. Hai cặp thiên can địa chi một âm một dương đi liền nhau có chung một ngũ hành nạp âm, như Giáp Tý và Ất Sửu đều thuộc hành Kim. Các nhà thuật số học đã tạo ra mối liên hệ giữa các nguyên lý này với trạng thái sinh diệt, thịnh suy, và dùng các hình tượng để tượng trưng cho chúng, gọi là mệnh. Như Hoả có Lô trung Hoả, Sơn đầu Hoả, Tích lịch Hoả, Sơn hạ Hoả, Phúc đăng Hoả, Thiên thượng Hoả. Từ đó đã hình thành nên nạp âm tướng số với một ý nghĩa hoàn toàn mới.

Giải nghĩa bảng nạp âm sáu mươi hoa giáp: Bảng trên có thể sử dụng để tra về năm, tháng, ngày, giờ sinh của mỗi người, vì trong hệ lịch Giáp Tý, sáu mươi hoa giáp được dùng để ghi cả giờ, ngày, tháng, năm. Tổ hợp bốn đơn vị năm sinh, tháng sinh, ngày sinh, giờ sinh tính theo sáu mươi hoa giáp được các nhà thuật số gọi là "tứ trụ". Mỗi đơn vị gồm một thiên can kết hợp với một địa chi, bốn đơn vị gồm tám chữ, nên dân gian quen gọi năm, tháng, ngày, giờ sinh là "bát tự" (tám chữ).

Sắp xếp "tứ trụ" này theo ngũ hành, sẽ hình thành nên các quan hệ sinh, khắc. Theo nguyên lý đơn giản nhất, tương sinh là cát, tương khắc là hung. Nhưng đời người biến hoá vô thường, khó có thể khái quát theo một nguyên tắc giản đơn như vậy. Bởi vậy mà ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ mới tiếp tục được phân chia thành các tượng khác nhau.

Ngũ hành tương sinh: Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim.